

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Bản án số: 08/2024/KDTM-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 17/4/2024

V/v : Tranh chấp Hợp đồng mua bán  
hàng hóa

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

2. Bà Nguyễn Thị Kính

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2024/TLST-KDTM, ngày 12 tháng 5 năm 2024, về tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3065/2024/QĐXXST-KDTM ngày 08/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-KDTM ngày 26/3/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH A Việt Nam;

Trụ sở: Số X đường Y, phường Z, thành phố C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện: Ông Phan Đình P; Sinh năm: 1999;

Địa chỉ: Số M đường N, phường K, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh

Theo văn bản ủy quyền ngày 20/02/2023

- **Bị đơn:** Công ty TNHH Sản xuất giấy nhám B;

Trụ sở: Số E đường số F, Phường G, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thiên H, Sinh năm 1994;

Địa chỉ thường trú: Số R đường T, Phường U, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Số Q đường D, Phường G, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn AViệt Nam (Sau đây gọi tắt là Công ty A) có ông Phan Đình P là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty TNHH A Việt Nam (“Công ty A”) và Công ty TNHH Sản xuất Giấy nhám B (Sau đây gọi tắt là “Công ty B”) đã ký với nhau lần lượt các Hợp đồng mua bán hàng hóa số KLV19-003 ngày 02/01/2019, Hợp đồng mua bán hàng hóa số KLVN-2020/184 ngày 01/01/2020, Hợp đồng mua bán hàng hóa số KLVN-2021/184 ngày 01/01/2021 và Hợp đồng mua bán hàng hóa số KLVN-2022/184 ngày 01/01/2022 nhằm mua các sản phẩm được bán và/hoặc phân phối bởi Công ty A, sản phẩm khác mang nhãn hiệu thương mại của A được bán ra thị trường trong tương lai.

Sau khi tiến hành ký kết các Hợp đồng mua bán hàng hóa nêu trên, Công ty A đã cung cấp nhiều đợt hàng (có hóa đơn giá trị gia tăng kèm theo) cho Công ty B với chất lượng, quy cách như đã thỏa thuận trong các Hợp đồng mua bán hàng hóa trên.

Mặc dù đã nhận đầy đủ hàng theo đúng như thỏa thuận, Công ty B chưa thanh toán số tiền hàng còn nợ và tính đến thời điểm ngày 31/05/2022, số tiền mà Công ty B còn nợ Công ty A là 1.303.817.356 đồng. Số công nợ này được xác định dựa trên các hóa đơn giá trị gia tăng do Công ty A phát hành (có xác nhận đã nhận hàng của Công ty B) lần lượt như sau:

STT	Số hóa đơn, ngày phát hành	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thành tiền
1.	– Số hóa đơn: 0000648 – Ngày phát hành: 27/10/2021	– Mã hàng 321472: RO/CS308Y/100/S/230X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 230 x 50000 mm hạt 100 – Mã hàng 321474: RO/CS308Y/120/S/230X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 230 x 50000 mm hạt 120 – Mã hàng 321391: RO/CS308Y/150/S/230X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 230 x 50000 mm hạt 150 – Mã hàng 321449: RO/CS308Y/180/S/230X50	202.439.600 VNĐ

		<p>000 CS 308 Y Nhám cuộn 230 x 50000 mm hạt 180</p> <p>– Mã hàng 323468: JR/CS308Y/100/S/635X50</p> <p>000 CS 308 Y Nhám cuộn 635 x 50000 mm hạt 100</p> <p>– Mã hàng 323091: JR/CS308Y/120/S/635X50</p> <p>000 CS 308 Y Nhám cuộn 635 x 50000 mm hạt 120</p>	
2.	<p>– Số hóa đơn: 0000678</p> <p>– Ngày phát hành: 08/11/2021</p>	<p>– Mã hàng 321449: RO/CS308Y/180/S/230X50</p> <p>000 CS 308 Y Nhám cuộn 230 x 50000 mm hạt 180</p>	5.844.300 VNĐ
3.	<p>– Số hóa đơn: 0000690</p> <p>– Ngày phát hành: 16/11/2021</p>	<p>– Mã hàng 323088: JR/CS308Y/80/S/635X500</p> <p>00 CS 308 Y Nhám cuộn 635 x 50000 mm hạt 80</p> <p>– Mã hàng 323095: JR/CS308Y/150/S/635X50</p> <p>000 CS 308 Y Nhám cuộn 635 x 50000 mm hạt 150</p> <p>– Mã hàng 323098: JR/CS308Y/180/S/635X50</p> <p>000 CS 308 Y Nhám cuộn 635 x 50000 mm hạt 180</p> <p>– Mã hàng 353489: JR/CS308Y/150/S/725X50</p> <p>000 CS 308 Y Nhám cuộn 725 x 50000 mm hạt 150</p> <p>– Mã hàng 330113: JR/CS308Y/120/S/915X50</p> <p>000 CS 308 Y Nhám cuộn 915 x 50000 mm hạt 120</p> <p>– Mã hàng 321392: RO/CS308Y/180/S/200X50</p> <p>000 CS 308 Y Nhám cuộn 200 x 50000 mm hạt 180</p>	206.786.800 VNĐ

		– Mã hàng 321449: RO/CS308Y/180/S/230X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 230 x 50000 mm hạt 180	
4.	– Số hóa đơn: 0000703 – Ngày phát hành: 22/11/2021	– Mã hàng 361460: JR/CS308Y/100/S/725X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 725 x 50000 mm hạt 100 – Mã hàng 323091: JR/CS308Y/120/S/635X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 635 x 50000 mm hạt 120 – Mã hàng 353489: JR/CS308Y/150/S/725X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 725 x 50000 mm hạt 150	121.308.000 VNĐ
5.	– Số hóa đơn: 0000707 – Ngày phát hành: 23/11/2021	– Mã hàng 345640: JR/CS308Y/100/S/915X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 915 x 50000 mm hạt 100	19.492.000 VNĐ
6.	– Số hóa đơn: 0000725 – Ngày phát hành: 29/11/2021	– Mã hàng 345640: JR/CS308Y/100/S/915X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 915 x 50000 mm hạt 100 – Mã hàng 321471: RO/CS308Y/100/S/200X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 200 x 50000 mm hạt 100 – Mã hàng 362353: JR/CS308Y/100/S/660X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 660 x 50000 mm hạt 100 – Mã hàng 323091: JR/CS308Y/120/S/635X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 635 x 50000 mm hạt 120 – Mã hàng 323468: JR/CS308Y/100/S/635X50	210.705.000 VNĐ

		000 CS 308 Y Nhám cuộn 635 x 50000 mm hạt 100	
7.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số hóa đơn: 00000004</li> <li>- Ngày phát hành: 14/12/2021</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã hàng 321449: RO/CS308Y/180/S/230X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 230 x 50000 mm hạt 180</li> <li>- Mã hàng 328926: RO/CS308Y/240/S/230X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 230 x 50000 mm hạt 240</li> </ul>	9.740.500 VNĐ
8.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số hóa đơn: 00000008</li> <li>- Ngày phát hành: 15/12/2021</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã hàng 323091: JR/CS308Y/120/S/635X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 635 x 50000 mm hạt 120</li> <li>- Mã hàng 361460: JR/CS308Y/100/S/725X50 000 2 CS 308 Y Nhám cuộn 725 x 50000 mm hạt 100</li> </ul>	121.429.000 VNĐ
9.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số hóa đơn: 00000001</li> <li>- Ngày phát hành: 03/01/2022</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã hàng 323095: JR/CS308Y/150/S/635X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 635 x 50000 mm hạt 150</li> <li>- Mã hàng 323098: JR/CS308Y/180/S/635X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 635 x 50000 mm hạt 180</li> <li>- Mã hàng 353489: JR/CS308Y/150/S/725X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 725 x 50000 mm hạt 150</li> </ul>	151.063.000 VNĐ
10.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số hóa đơn: 00000002</li> <li>- Ngày phát hành: 03/01/2022</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã hàng 323468: JR/CS308Y/100/S/635X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 635 x 50000 mm hạt 100</li> <li>- Mã hàng 323091: JR/CS308Y/120/S/635X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 635 x 50000 mm hạt 120</li> </ul>	107.888.000 VNĐ

11.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số hóa đơn: 00000026</li> <li>- Ngày phát hành: 18/01/2022</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã hàng 323101: JR/CS308Y/240/S/635X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 635 x 50000 mm hạt 240</li> </ul>	28.952.000 VNĐ
12.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số hóa đơn: 00000027</li> <li>- Ngày phát hành: 18/01/2022</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã hàng 345640: JR/CS308Y/100/S/915X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 915 x 50000 mm hạt 100</li> <li>- Mã hàng 330113: JR/CS308Y/120/S/915X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 915 x 50000 mm hạt 120</li> </ul>	194.920.000 VNĐ
13.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số hóa đơn: 00000088</li> <li>- Ngày phát hành: 01/03/2022</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã hàng 323095: JR/CS308Y/150/S/635X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 635 x 50000 mm hạt 150</li> <li>- Mã hàng 323097: JR/CS308Y/180/S/620X50 000 CS 308 Y Nhám cuộn 620 x 50000 mm hạt 180</li> <li>- Mã hàng 339516: JR/CS308Y/180/S/620X10 0000 CS 308 Y Nhám cuộn 620 x 100000 mm hạt 180</li> </ul>	60.199.200 VNĐ
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.440.767.400 VNĐ</b>

Số tiền trên được Công ty B thanh toán thông qua hình thức chuyển khoản và các Biên bản bù trừ công nợ được xác lập giữa hai bên. Tính đến thời điểm ngày 31/05/2022 thì Công ty B còn nợ Công ty A số tiền tổng cộng là 1.303.817.356 đồng.

Sau đó, trong khoảng thời gian từ ngày 30/06/2022 đến ngày 31/12/2022, Công ty B tiếp tục thanh toán tổng cộng 276.458.552 đồng và số công nợ còn lại mà Công ty B chưa thanh toán cho Công ty A được xác định là 1.027.358.804 đồng. Từ ngày 01/01/2023 đến nay, Công ty B không thanh toán cho Công ty A thêm đợt nào nữa.

Do đó, Công ty A đã khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh buộc Công ty B phải thanh toán một lần và toàn bộ số tiền công

nợ còn lại tính đến ngày 31/12/2022 là 1.027.358.804 đồng cho Công ty A và số tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận là 1,5%/tháng, tạm tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 01/4/2024 là 231.155.730 đồng.

Tổng cộng số tiền mà Công ty B phải thanh toán cho Công ty A tạm tính đến ngày 01/4/2024 là: 1.258.514.534 đồng.

Tại phiên tòa, Công ty A rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ chưa thanh toán từ ngày 01/01/2023 cho đến khi Công ty B thanh toán hết số tiền hàng còn nợ, không yêu cầu tính lãi trong khoảng thời gian từ 06/6/2022 đến 31/12/2022 như đơn khởi kiện ban đầu.

Bị đơn – Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất Giấy nhám B vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về thời hạn giải quyết vụ án chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 117, 401, 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50, khoản 5 Điều 297, Điều 306 Luật Thương mại 2005 và các quy định của BLTTDS năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của công ty A Việt Nam:

- Buộc Công ty B phải thanh toán cho Công ty A tổng cộng 1.027.358.804 đồng. Trong đó, tiền hàng hóa còn nợ là 1.027.358.804 và tiền lãi chậm thanh toán tính kể từ ngày 01/01/2023 cho đến ngày thanh toán hết số tiền hàng hóa còn nợ với lãi suất đã thỏa thuận là 1,5%/tháng.

- Kể từ ngày 17/4/2024 đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Các điều khoản và Điều kiện chung về bán hàng mà hai bên đã thỏa thuận.

Án phí và các chi phí tố tụng, các đương sự chịu theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty A khởi kiện Công ty B yêu cầu trả nợ tiền hàng hóa chưa thanh toán và lãi theo các Hợp đồng mua bán hàng hóa đã ký kết giữa các bên, nhằm mục đích sinh lời, xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Hiện nay, bị đơn – Công ty B có đăng ký trụ sở tại Quận L (Theo Phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp ngày 03/8/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 6, Điều 24 Luật Thương mại năm 2005; Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn – Công ty B, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về pháp luật áp dụng: Do hai bên xác lập hợp đồng mua bán hàng hóa trong nhiều năm (Từ 01/2019 đến 01/2022) với hình thức giao dịch qua thư điện tử, tin nhắn để đặt hàng, bên bán giao hàng cho bên mua nhận hàng và ký xác nhận. Sau đó, bên mua thanh toán chuyển khoản, bên bán xuất hóa đơn. Đến ngày 31/5/2022, nguyên đơn đã phát hành Biên bản cam kết về kế hoạch thanh toán công nợ kèm theo đó là Bảng kê công nợ và đã được đóng dấu xác nhận của cả hai bên, đại diện phía bị đơn - bà Trần Mỹ V đã ký tên và đóng dấu xác nhận, đồng thời ghi nhận kế hoạch thanh toán toàn bộ công nợ cho nguyên đơn bắt đầu từ ngày 10/06/2022 đến thời điểm tháng 7/2023 nhưng phía bị đơn không thực hiện đúng cam kết dẫn đến phát sinh tranh chấp, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào những quy định của Bộ luật Dân sự 2015 và Luật thương mại 2005 để giải quyết.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

[4.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của đương sự đã xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã lần lượt giao kết các Hợp đồng mua bán hàng hóa số KLV19-003 ngày 02/01/2019, Hợp đồng mua bán hàng hóa số KLVN-2020/184 ngày 01/01/2020, Hợp đồng mua bán hàng hóa số KLVN-2021/184 ngày 01/01/2021 và Hợp đồng mua bán hàng hóa số KLVN-2022/184 ngày 01/01/2022.



Sau khi giao kết, mặc dù phía nguyên đơn đã cung cấp nhiều đợt hàng (có các hóa đơn giá trị gia tăng kèm theo) theo đơn đặt hàng của bị đơn với chất lượng, quy cách như đã thỏa thuận trong các Hợp đồng mua bán hàng hóa trên, nhưng phía bị đơn vẫn chậm trễ và không thực hiện đúng nội dung cam kết về kế hoạch trả nợ mà hai bên đã thỏa thuận (Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nguyên đơn phát hành các hóa đơn giá trị gia tăng cho các đợt đặt hàng).

Tính đến thời điểm ngày 31/05/2022, tổng số công nợ mà phía bị đơn còn nợ là 1.303.817.356 đồng. Ngày 06/06/2022, nguyên đơn đã phát hành Biên bản cam kết về kế hoạch thanh toán công nợ kèm theo đó là Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/05/2022. Biên bản cam kết và Bảng kê công nợ này đều đã được đóng dấu xác nhận của cả hai bên, đại diện phía bị đơn - bà Trần Mỹ V đã ký tên và đóng dấu xác nhận, đồng thời ghi nhận kế hoạch thanh toán toàn bộ công nợ cho nguyên đơn bắt đầu từ ngày 10/06/2022 đến thời điểm tháng 7/2023.

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa Công ty A và Công ty B đã cùng nhau xác lập các Hợp đồng mua bán hàng hóa là những quy tắc xử sự chung, điều chỉnh quan hệ giao dịch, mua bán hàng hóa giữa các bên với việc thể hiện rõ ràng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tương ứng của Công ty A và Công ty B khi các bên tham gia vào hoạt động mua bán hàng hóa với nhau.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Mỹ V đại diện Công ty B đặt các đơn hàng từ Công ty A từ thời điểm tháng 4/2021 cho đến lúc phát sinh công nợ và nhiều lần thanh toán công nợ cho Công ty A. Các hoạt động thương mại giữa bà Trần Mỹ V thay mặt Công ty B và Công ty A về việc đặt hàng, xác nhận công nợ và thanh toán công nợ đều thực hiện bằng thư điện tử có chuyển tiếp đến địa chỉ thư điện tử của Công ty B. Các hoạt động này đã diễn ra trong một thời gian dài và lặp lại nhiều lần, hình thành nên thói quen trong hoạt động thương mại giữa hai công ty, cụ thể bà Trần Mỹ V là cá nhân đại diện cho Công ty B đặt các đơn hàng từ phía Công ty A, cũng chính là cá nhân xác nhận công nợ và thanh toán các khoản công nợ cho Công ty A thông qua các cách khác nhau như: thanh toán bằng việc bù trừ công nợ (có biên bản xác nhận bù trừ công nợ); thanh toán bằng cách chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của Công ty B (bà V dùng tài khoản ngân hàng của Công ty B để chuyển khoản thanh toán công nợ cho Công ty A); thanh toán bằng việc bà V dùng tài khoản ngân hàng của một công ty khác và

thanh toán công nợ của Công ty B cho Công ty A. Điều này được xem như thói quen trong hoạt động thương mại giữa các bên.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định giao dịch giữa các bên phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 3, Điều 6 và Khoản 1 Điều 24 Luật Thương mại năm 2005; các Điều 116, 117, 385, 430 Bộ luật dân sự 2015 nên giao dịch của các bên có giá trị pháp lý và phát sinh hiệu lực.

[4.2] Ngày 06/06/2022, nguyên đơn đã phát hành Biên bản cam kết về kế hoạch thanh toán công nợ kèm theo đó là Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/05/2022. Biên bản cam kết và Bảng kê công nợ này đều đã được đóng dấu xác nhận của cả hai bên, đại diện phía bị đơn - bà Trần Mỹ V đã ký tên và đóng dấu xác nhận, đồng thời trên thực tế cũng đã đại diện cho bị đơn thanh toán công nợ cho nguyên đơn từ sau ngày 10/06/2022 với tổng số tiền đã thanh toán 276.458.552 đồng. Cụ thể như sau:

- Ngày 30/6/2022: cản trừ 2.290.680VNĐ thông qua Biên bản bù trừ công nợ số 06001/2022\_KLVN ngày 30/6/2022

- Ngày 6/7/2022: B chuyển khoản 40.000.000VNĐ vào tài khoản của A

- Ngày 31/7/2022: cản trừ 2.055.240VNĐ thông qua Biên bản bù trừ công nợ số 07001/2022\_KLVN ngày 31/7/2022

- Ngày 18/8/2022: cản trừ 12.112.632VNĐ thông qua Biên bản bù trừ công nợ số 08002/2022\_KLVN ngày 18/8/2022

- Ngày 23/8/2022: B chuyển khoản 80.000.000VNĐ vào tài khoản của A

- Ngày 26/9/2022: B chuyển khoản 70.000.000VNĐ vào tài khoản của A

- Ngày 8/11/2022: B chuyển khoản 70.000.000VNĐ vào tài khoản của A

Ngày 31/12/2022, để phục vụ cho mục đích kiểm toán, phía nguyên đơn cũng đã phát hành Thư xác nhận số dư và Bảng kê chi tiết công nợ đến ngày 31/12/2022 gửi đến phía bị đơn, yêu cầu xác nhận số dư công nợ còn lại tại thời điểm ngày 31/12/2022 là 1.027.358.804 đồng, phía Bị đơn cũng đã ký và đóng dấu xác nhận thông tin này.

Theo Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh gồm: “2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh.”

Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở xác định: Việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán tiền hàng còn nợ là

1.027.358.804 đồng, trả ngay một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 50, Khoản 5 Điều 297, Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 nên chấp nhận.

[4.3] Về mức lãi suất chậm trả nợ từ việc mua bán hàng hoá với lãi suất 1,5%/tháng mà nguyên đơn đề nghị áp dụng, Hội đồng xét xử nhận thấy, đây là mức lãi suất đã được Nguyên đơn và Bị đơn thỏa thuận thống nhất áp dụng (nội dung thỏa thuận được ghi nhận tại khoản 3.6 của văn bản Các điều khoản và điều kiện chung về bán hàng đã được đại diện Công ty B ký tên đóng dấu xác nhận ngày 26/9/2019). Căn cứ quy định các Khoản 2 của Điều 357, Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 cho thấy các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm, tức là không được quá 1,67%/tháng. Do đó, mức lãi suất 1,5%/tháng mà Nguyên đơn đề nghị áp dụng trong trường hợp này là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Việc nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi chậm thanh toán nợ từ 10/6/2022 đến 31/12/2022 mà chỉ yêu cầu tính lãi chậm thanh toán số tiền hàng hoá còn nợ từ 01/01/2023 cho đến khi bị đơn thanh toán hết nợ là có lợi cho bị đơn, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định pháp luật, nên chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi bị đơn phải chịu tạm tính từ 01/01/2023 đến 01/04/2024 (15 tháng) là: Lãi chậm trả =  $1.027.358.804 \times 1,5\% \times 15 \text{ tháng} = 231.155.730\text{đ}$ .

Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu khoản lãi của số tiền nợ tiền mua hàng hoá phải thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong văn bản Các điều khoản và điều kiện chung về bán hàng đã được đại diện Công ty B ký tên đóng dấu xác nhận ngày 26/9/2019 kể từ sau ngày 01/4/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Như vậy, tổng số tiền Công ty B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty A tính đến ngày 01/4/2024 là:  $1.027.358.804\text{đ} + 231.155.730\text{đ} = 1.258.514.534\text{đ}$

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn không cử đại diện đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty A. Điều này xem như bị đơn đã từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân Quận L phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn Công ty B phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm Công ty TNHH Sản xuất Giấy nhám B phải chịu là:  $36.000.000đ + ((1.258.514.534đ - 800.000.000đ) \times 3\%) = 49.755.436đ$

- Công ty A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Điều 116, 117, 357, 385, 430, 440 và 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;

- Khoản 3 Điều 3, Điều 6, Khoản 1 Điều 24, Điều 50, Khoản 5 Điều 297 và Điều 306 Luật thương mại số 36/2005/QH11;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất Giấy nhám B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn A Việt Nam số tiền mua hàng hoá còn nợ là: 1.027.358.804đ (Một tỷ không trăm hai mươi bảy triệu ba trăm năm mươi tám nghìn tám trăm linh bốn đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính từ 01/01/2023 đến 01/04/2024 là: 231.155.730đ (Hai trăm ba mươi bốn triệu một trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi đồng), thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất Giấy nhám B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền mua hàng hoá còn nợ chưa trả kể từ sau ngày 01/4/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất

các bên thoả thuận trong văn bản Các điều khoản và điều kiện chung về bán hàng đã được đại diện Công ty TNHH Sản xuất Giấy nhám B ký tên đóng dấu xác nhận ngày 26/9/2019.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

4.1. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất Giấy nhám B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 49.755.436đ (Bốn mươi chín triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng) nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4.2. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn A Việt Nam không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.768.121đ (Hai mươi một triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn một trăm hai mươi một đồng) theo biên lai thu tiền số 0002962 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lương Duy Minh Chính**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Chi cục THADS QL;
- VKSNDQL;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.